TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VÂN CANH** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày: 24-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Vũ Cường

Ông Trần Trọng Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2018, đối với bị cáo: Đinh Thị Đ, sinh năm 1987 tại xã C, huyện V, tỉnh B; nơi cư trú: Làng C1, xã C, huyện V, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn P, sinh năm: 1958 và bà Đinh Thị H (chết); chồng: Không có và có 01 con, sinh ngày 23/6/2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại – Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo**: Bà Lê Tôn Nữ Kim Yến là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định – Có mặt.

*** Nguyên đơn dân sự**: Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp H; địa chỉ: Thôn T, thị trấn V, huyện V, tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cái Minh T, sinh năm: 1969 là Chủ tịch kiêm giám đốc công ty; địa chỉ: Thôn 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh B.

(Ông Cái Minh T ủy quyền cho ông Đỗ Minh C, sinh năm: 1964 – Phó Giám đốc công ty tham gia tố tụng) - Có mặt

Địa chỉ: Thôn C3, xã P, huyện T, tỉnh B

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1959 - Có mặt

Địa chỉ: Tổ 6, khu vực 2, phường N, thành phố Q, tỉnh B

- Ông Thái Văn L, sinh năm: 1957 - Có mặt

Địa chỉ: Thôn Ch, xã M, huyện P, tỉnh B

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1970 - Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H1, tỉnh B

- Ông Đỗ Minh C, sinh năm: 1964 - Có mặt

Địa chỉ: Thôn C4, xã P, huyện T, tỉnh B

- Anh Nguyễn T, sinh năm: 1976 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện T, tỉnh B

- Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1983 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 55, khu vực 6, phường Q, thành phố Q, tỉnh B

- Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1990 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 88, Trần Thị Lý, phường G, thành phố. Q, tỉnh B

- Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1987 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã H2, huyện H1, tỉnh B

- Anh Phạm T, sinh năm: 1993 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn M xã C, huyện P, tỉnh B

- Chị Đinh Thị T (Mẹ N), sinh năm: 1975 – Có mặt

- Chị Đinh Thị T1 (Mẹ X), sinh năm: 1990 – Có mặt

- Ông Đoàn Văn U (BoK P), sinh năm: 1962 – Có mặt

- Chị Đinh Thị P (Mẹ T), sinh năm: 1977 – Có mặt

- Ông Đoàn Văn T (Bok N), sinh năm: 1954 – Có mặt

- Anh Đoàn Văn T2 (Cha Y), sinh năm: 1985 – Có mặt

Đồng địa chỉ: Làng C1, xã C, huyện V, tỉnh B

- Anh La O D, sinh năm 1976 – Có mặt

- Anh So Minh Lý, sinh năm: 1996 – Có mặt

- Anh La O Đ (Cha V), sinh năm: 1992 – Có mặt

- Anh La O Đ1 (Cha T), sinh năm 1988 – Có mặt

Đồng địa chỉ: Thôn P1, xã P, huyện Đ, tỉnh P2

**** Người làm chứng:***

- Anh Trần Văn T, sinh năm: 1974 - Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 1, khu vực 8, phường B, thành phố Q, tỉnh B

- Anh Trần Hữu Đ, sinh năm: 1985 - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn V, huyện V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 05/2016, bị cáo thuê các nhân công gồm Đoàn Văn T, Đoàn Văn U, Đoàn Văn T, Đinh Thị T, Đinh Thị P, Đinh Thị T1 vào khu vực rừng tự nhiên có tục danh "Suối Nhoi" thuộc khoảnh 9, tiểu khu 373 xã C, huyện V, tỉnh B phát rừng trái phép để lấy đất sản xuất trồng cây keo lai. Bị cáo cùng những người nêu trên dùng rựa chặt hết dây leo, các cây rừng có đường kính từ 10cm trở xuống và trả tiền công mỗi người 120.000đ/ngày. Khoảng hơn 1 tuần sau, bị cáo tiếp tục thuê mướn các nhân công gồm La O D, La O Đ, La O Đ1, So Minh L mang máy cưa xăng vào vị trí rừng trước đó đã phá trái phép để tiếp tục đốn hạ các cây có đường kính lớn từ 10cm đến 50cm trong 01 ngày thì xong, mỗi người được bị cáo trả 300.000đ/ngày. Sau khi phát xong chuẩn bị dọn ranh, chờ khô thực bì để đốt dọn trồng cây keo lai thì ngày 02/6/2016 nhân viên Phòng quản lý bảo vệ rừng của Công ty TNHH Lâm nghiệp H trong quá trình đi kiểm tra rừng, phát hiện nên lập biên bản đồng thời báo cáo lãnh đạo công ty. Đến ngày 21/6/2016, Công ty TNHH Lâm nghiệp H ban hành Công văn số 206/CV-CtyLNHT về việc không cho bị cáo đốt, dọn trồng các loại cây và báo cáo các cơ quan chức năng để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả xác định thiệt hại về rừng số 07/TTQH - LN ngày 18/01/2017 của Trung tâm quy hoạch nông nghiệp nông thôn thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh B xác định diện tích rừng bị thiệt hại do Đinh Thị Đ chặt phá trái pháp luật tại địa điểm có tục danh "Suối Nhoi" thuộc khoảnh 9, tiểu khu 373 trên địa bàn xã C, huyên V, tỉnh B là: 39.297m^2, loại rừng gỗ tự nhiên, quy hoạch rừng sản xuất, trạng thái rừng nghèo, giá trị rừng bị thiệt hại là 199.347.000 đồng.

Theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định số 09/KLHĐ ngày 04/5/2018 xác định giá trị cụ thể như sau: Loại rừng bị thiệt hại: Rừng gỗ tự nhiên thuộc quy hoạch sản xuất, có trạng thái rừng nghèo; trữ lượng trung bình: 39,58m^3/ha; trữ lượng rừng bị thiệt hại: 155,54m^3; giá trị thiệt hại quy ra thành tiền là: 199.347.000 đồng.

Bị cáo đã nộp 11.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Canh để bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa bị cáo khai: Bị cáo có thuê các anh, chị gồm Đoàn Văn T, Đoàn Văn U, Đoàn Văn T, Đinh Thị T, Đinh Thị P, Đinh Thị T1 dùng rựa chặt dây leo, cây rừng có đường kính từ 10cm trở xuống với thời gian mỗi người là 10 ngày, còn những cây có đường kính trên 10cm bị cáo thuê anh La O D, La O Đ, La O Đ1, So Minh L dùng máy cưa xăng cưa hạ với thời gian mỗi người là 01 ngày, tổng diện tích rừng tự nhiên bị đốn hạ là 39.297m^2, địa điểm tại khoảnh 9, tiểu khu 373 thuộc xã C, huyện V, tỉnh B, mục đích chặt phá rừng tự nhiên là để lấy đất trồng keo. Sau khi chặt cây rừng xong, chưa kịp đốt dọn thì Công ty TNHH Lâm nghiệp H phát hiện, không cho đốt dọn, trồng cây vì diện tích rừng bị cáo chặt là rừng tự nhiên do Công ty TNHH Lâm nghiệp H quản lý nên bị cáo chấp hành. Khi chặt phá rừng, bị cáo không biết việc làm của bị cáo là sai. Nay bị cáo mới biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật, nên rất ăn năn hối cải về việc làm do bị cáo gây ra và đã tự nguyện nộp số tiền là 11.000.000đ để khắc phục một phần hậu quả.

Đại diện nguyên đơn dân sự trình bày: Đầu tháng 6/2016, Công ty TNHH Lâm nghiệp H phân công nhân viên tiến hành kiểm tra, kiểm kê rừng do công ty quản lý thì phát hiện diện tích rừng tự nhiên tại khoảnh 9, tiểu khu 373 thuộc xã C, huyện V, tỉnh B được quy hoạch rừng sản suất, có trạng thái rừng nghèo bị đốn hạ. Công ty tiến hành xác minh đối tượng và phát hiện người chặt phá rừng là bị cáo Đinh Thị Đ nên công ty ban hành công văn không cho bị cáo đốt dọn, trồng các loại cây, đồng thời báo cáo các cơ quan chức năng để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Kết quả đo đạc xác định diện tích rừng tự nhiên bị chặt phá trái pháp luật là: 39.297m^2, thiệt hại về rừng quy ra thành tiền là: 199.347.000 đồng. Công ty TNHH Lâm nghiệp H đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật và buộc bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty số tiền 199.347.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông Nguyễn Văn T, Đỗ Minh C, Thái Văn L, Nguyễn Văn T khai: Diện tích rừng tự nhiên mà bị cáo hủy hoại thuộc quyền quản lý của Công ty TNHH Lâm nghiệp H. Công ty giao cho Trạm Kà Te trực tiếp quản lý, bảo vệ rừng. Tại thời điểm diện tích rừng trên bị hủy hoại, ông T giữ chức vụ là Phó giám đốc Công ty TNHH Lâm nghiệp H được phân công phụ trách công tác quản lý, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn huyện V, ông Đỗ Minh C là Trưởng phòng Phòng quản lý bảo vệ rừng thực hiện công tác kiểm tra đôn đốc các trạm và tham mưu cho lãnh đạo công ty trong công tác quản lý bảo vệ rừng, ông Thái Văn L là trưởng trạm, ông Nguyễn Văn T là nhân viên Trạm quản lý bảo vệ rừng Kà Te có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng mà công ty giao cho trạm K quản lý. Đầu tháng 6/2016, tổ công tác do công ty thành lập tiến hành kiểm tra, kiểm kê rừng tại một số trạm quản lý bảo vệ rừng thì phát hiện diện tích rừng tại khoảnh 9, tiểu khu 373 thuộc địa bàn xã C, huyện V, tỉnh B do Trạm quản lý bảo vệ rừng K trực tiếp quản lý bị hủy hoại nên tổ công tác báo cáo lãnh đạo công ty và Trạm quản lý bảo vệ rừng K xử lý. Sau đó, công ty phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện V tiến hành xác minh đối tượng vi phạm và báo cáo cơ quan chức năng giải quyết vụ việc theo thẩm quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các anh Nguyễn T, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thành L, Nguyễn Xuân H, Phạm T khai: Tại thời điểm bị cáo chặt phá rừng trái phép, các anh là Kiểm lâm viên được phân công phụ trách địa bàn xã C, nơi có diện tích rừng bị hủy hoại. Diện tích rừng mà bị cáo hủy hoại do Công ty TNHH Lâm nghiệp H làm chủ rừng, chịu trách nhiệm chính trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Với chức năng, nhiệm vụ được giao, các anh có nhiệm vụ phối hợp với Công ty TNHH Lâm nghiệp H tuần tra, quản lý, bảo vệ diện tích rừng trên. Khi phát hiện có người chặt phá rừng, các anh đã xây dựng kế hoạch phối hợp với UBND xã C, Công ty TNHH Lâm nghiệp H tiến hành xác minh đối tượng, cũng cố hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Đoàn Văn T, Đoàn Văn U, Đoàn Văn T, Đinh Thị T, Đinh Thị P, Đinh Thị T1, La O D, La O Đ, La O Đ1, So Minh L khai: Các anh chị được bị cáo thuê phát rừng tại địa điểm có tục danh là "Suối Nhoi" thuộc xã C, huyện V, tỉnh B. Các anh chị gồm Đoàn Văn T, Đoàn Văn U, Đoàn Văn T, Đinh Thị T, Đinh Thị P, Đinh Thị T1 dùng rựa chặt dây leo, cây có đường kính nhỏ với thời gian mỗi người là 10 ngày, còn lại những cây có đường

kính từ 10cm trở lên các anh D, Đ, Đ1, L dùng máy cưa để cưa hạ với thời gian là 01 ngày. Các anh chị không biết diện tích rừng bị cáo thuê anh chị đốn hạ trên là rừng tự nhiên, quy hoạch rừng sản xuất vì khi bị cáo thuê các anh chị đi phát rừng, bị cáo nói rừng đó là của cha mẹ bị cáo trước đây khai hoang mà có, nay bị cáo vào phát dọn để trồng keo. Lúc phát rừng, các anh chị cũng không nhìn thấy cột mốc, bản chỉ dẫn phân loại rừng.

Người làm chứng Trần Văn T và Trần Hữu Đ khai: Ngày 02/6/2016, anh T và anh Đ được công ty phân công tiến hành kiểm tra, kiểm kê rừng thì phát hiện diện tích rừng tại khoảnh 9, tiểu khu 373 thuộc địa bàn xã C do Trạm quản lý bảo vệ rừng K trực tiếp quản lý bị hủy hoại nên các anh báo cáo lãnh đạo công ty và Trạm quản lý bảo vệ rừng K xử lý theo thẩm quyền.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 12/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định truy tố bị cáo Đinh Thị Đ về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tổng diện tích rừng tự nhiên, quy hoạch là rừng sản xuất mà bị cáo thuê nhân công đốn hạ để lấy đất trồng cây keo là 39.297 m^2, gây thiệt hại về rừng quy ra thành tiền là: 199.347.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đinh Thị Đ về tội hủy hoại rừng. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại, là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng cao có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, không biết chữ nên hiểu biết về pháp luật bị hạn chế, bị cáo không có chồng hiện đang nuôi con còn nhỏ, có nơi cư trú ổn định. Ngoài ra, chủ quản lý rừng cũng có một phần lỗi vì không cắm cột mốc, bản chỉ dẫn, biển báo phân loại rừng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Nên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 243; điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, xử phạt bị cáo Đinh Thị Đ mức án từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 173 Luật đất đai 2013 buộc bị cáo phải trả lại cho nguyên đơn dân sự diện tích rừng mà bị cáo lấn chiếm và phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Viện kiểm sát kiến nghị chủ quản lý rừng phải tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát; tổ chức tuyên truyền về công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng và thực hiện việc cắm mốc, bản chỉ dẫn, phân loại rừng để người dân biết.

Trợ giúp viên pháp lý bà Lê Tôn Nữ Kim Yến bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát.

Ý kiến của đại diện nguyên đơn dân sự: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện viện kiểm sát; về bồi thường dân sự thì yêu

cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH Lâm nghiệp H số tiền là 199.347.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy việc làm của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vân Canh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trước đây tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện nguyên đơn dân sự, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Để có đất sản xuất, bị cáo đã thuê nhân công gồm Đoàn Văn T, Đoàn Văn U, Đoàn Văn T, Đinh Thị T, Đinh Thị P, Đinh Thị T1, La O D, La O Đ, La O Đ1, So Minh L dùng rựa, máy cưa xăng đốn hạ cây rừng với diện tích là 39.297m^2, loại rừng gỗ tự nhiên được quy hoạch là rừng sản xuất, tại địa điểm khoảnh 9, tiểu khu 373 thuộc xã C, huyện V, tỉnh B, gây thiệt hại về rừng quy ra thành tiền là: 199.347.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, mục đích hủy hoại rừng là để lấy đất trồng keo. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội hủy hoại rừng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh truy tố bị cáo về tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài nguyên rừng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình quản lý, bảo vệ rừng tại địa phương, vì tư lợi cá nhân mà bị cáo phạm tội nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra để răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện nộp tiền khắc phục một phần hậu quả, là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, không biết chữ, không hiểu biết pháp luật nên lạc hậu. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã chấp hành yêu cầu không được đốt, dọn trồng cây của cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra, chủ quản lý rừng cũng có một phần lỗi vì không phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để tổ chức tuyên

truyền cho người dân biết về công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy, không cắm mốc, bản chỉ dẫn, phân loại rừng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, có nơi cư trú rõ ràng. Hiện tại, bị cáo không có chồng và đang nuôi con nhỏ nhưng không xác định được cha của con bị cáo đang làm gì, ở đâu. Nhận thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự để xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...", do đó, bị cáo có thể áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định, kinh tế khó khăn thuộc diện hộ nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh và Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Đối với ông Nguyễn Văn T là Phó giám đốc công ty TNHH Lâm nghiệp H được công ty phân công phụ trách công tác bảo vệ rừng chưa làm tốt công tác chỉ đạo quản lý bảo vệ rừng và chỉ đạo tuần tra, kiểm soát. Ông Thái Văn L là Trưởng trạm và ông Nguyễn Văn T là nhân viên Trạm quản lý bảo vệ rừng K là đơn vị được Công ty TNHH Lâm nghiệp H giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, bảo vệ diện tích rừng trên chưa làm tốt công tác tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng. Hành vi của ông Nguyễn Văn T và Thái Văn L có dấu hiệu của tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy diện tích rừng tự nhiên và đất lâm nghiệp Công ty TNHH Lâm nghiệp H và Trạm quản lý bảo vệ rừng K được giao quản lý rộng và được phân chia ở nhiều địa phương trên địa bàn huyện V, nơi rừng bị phá nằm ở vùng sâu, bị chia cắt, lực lượng cán bộ chuyên trách tại Trạm K còn mỏng (02 người) nên khó khăn trong công tác chỉ đạo tuần tra, kiểm soát. Đối với ông Đỗ Minh C là trưởng phòng quản lý, bảo vệ rừng chưa làm tốt công tác đôn đốc, kiểm tra các trạm bảo vệ rừng, chưa làm tốt công tác tham mưu cho lãnh công ty trong công tác bảo vệ rừng. Tuy nhiên, trách nhiệm chính trong việc quản lý, bảo vệ rừng thuộc về lãnh đạo Công ty TNHH Lâm nghiệp H và Trạm quản lý bảo vệ rừng K. Hành vi thiếu trách nhiệm của Nguyễn Văn T, Thái Văn L và Nguyễn Văn T đã bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thi hành kỷ luật nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn T, Thái Văn L, Nguyễn Văn T và Đỗ Minh C là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Các anh Nguyễn T, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thành L, Phạm T, Nguyễn Xuân H là Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã C, chưa làm tốt nhiệm vụ được giao là kiểm lâm địa bàn cấp xã trong công tác phối hợp với chủ rừng về quản lý, bảo vệ rừng dẫn đến việc để rừng bị chặt phá trái phép nhiều ngày mà không phát hiện,

ngăn chặn. Tuy nhiên, xét thấy do địa bàn rộng, nơi rừng bị phá nằm ở rừng sâu, hơn nữa trách nhiệm chính trong việc quản lý, bảo vệ rừng là của chủ rừng là công ty TNHH Lâm nghiệp H nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[9]. Đối với Đoàn Văn T, Đoàn Văn U, Đoàn Văn T, Đinh Thị T, Đinh Thị P, Đinh Thị T1, La O D, La O Đ, La O Đ1, So Minh L là những người được bị cáo thuê phát rừng, làm việc theo sự chỉ đạo của bị cáo và được trả tiền công theo ngày, không có sự thỏa thuận ăn chia, không biết việc chặt phá rừng là trái pháp luật. Hơn nữa, họ đều là đồng bào dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên Tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị thiệt hại về rừng theo Kết luận xác định giá trị tài sản số 09/KLHĐ ngày 04/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự với số tiền là 199.347.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự 2015 nên được chấp nhận. Bị cáo đã nộp số tiền 11.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Canh để khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số 000084 ngày 31/5/2018 và 000087 ngày 14/8/2018, tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

[11]. Về diện tích rừng là 39.297m^2 tại khoảnh 9, tiểu khu 373 thuộc xã C, huyện V, tỉnh B bị cáo đã chặt cây rừng tự nhiên lấn chiếm đất trái phép, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã giao quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Lâm nghiệp H nên buộc bị cáo phải trả lại diện tích đất rừng trên cho Công ty TNHH Lâm nghiệp H quản lý theo quy định của pháp luật.

[12]. Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí nên áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết miễn tiền án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Thị Đ phạm tội: "Hủy hoại rừng".

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; xử phạt Đinh Thị Đ 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đinh Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh B để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 173 Luật đất đai 2013.

Buộc bị cáo phải trả lại 39.297m^2 đất rừng tại khoảnh 9, tiểu khu 373 thuộc xã C, huyện V, tỉnh B mà bị cáo đã chặt cây rừng tự nhiên lấn chiếm đất trái phép cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp H quản lý theo quy định của pháp luật và phải bồi thường thiệt hại về tài nguyên rừng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp H với số tiền là 199.347.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 000084 ngày 31/5/2018 và 000087 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định để đảm bảo việc thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Vân Canh;
- VKSND huyện Vân Canh;
- VKDND tỉnh Bình Định;
- THADS huyệnVân Canh;
- TAND tỉnh Bình Định;
- UBND xã Canh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Duy